TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST Ngày: 03-9-2025 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu
Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Công L, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000.
Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình.
Hiện nay chị T đang ở: Thôn D H, xã T, tỉnh Ninh Bình.
Tại phiên tòa anh L có đơn xin vắng, chị T vắng lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2025, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Phạm Công L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 24/4/2020. Sau khi cưới anh chị sinh sống cùng bố mẹ anh L tại Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. Về nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại Thôn

D H, xã T, tỉnh Ninh Bình, anh chị ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh L xác định anh và chị T có 02 con chung là các cháu Phạm Công M sinh ngày 06/9/2020, cháu Phạm Công Minh V sinh ngày 22/6/2022. Hiện nay cháu M đang ở với anh, cháu V đang ở với chị T. Sau khi Tòa án giải quyết ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, cháu V để chị T nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T: Mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, tuy nhiên chị T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản bày tỏ ý kiến của chị với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình) đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên chị T không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên đơn xin xử vắng mặt, anh L vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T, về con chung: Sau khi Tòa án giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Công M sinh ngày 06/9/2020, cháu Phạm Công M V sinh ngày 22/6/2022 để chị Nguyễn Thị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện Nho Quan (nay là Tòa án Khu vực 3 – Ninh Bình) thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH - 14 ngày 30/12/2016 của U quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa anh Phạm Văn L1 và chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Công M sinh ngày 06/9/2020 cho anh Phạm Văn L1, tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Phạm Công M V sinh ngày 22/6/2022 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn anh Phạm Văn L1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh L1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay là Phòng thi hành án khu vực 3-Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân

huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình) thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn L1 và chị Nguyễn Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh L1 với chị T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Anh L1 và chị T có 02 con chung là các cháu Phạm Công M sinh ngày 06/9/2020, cháu Phạm Công Minh V sinh ngày 22/6/2022. Hiện nay cháu M đang ở với anh L1, cháu V đang ở với chị T. Anh L1 có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu M, anh đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L1 và chị T đều khỏe mạnh có thu nhập, các cháu đang sinh sống với bố mẹ ổn định. Vì vậy việc giao cháu M cho anh L1, giao cháu V cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích cho các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Phạm Công L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phạm Công L ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Phạm Công M sinh ngày 06/9/2020, hiện đang ở với anh L cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Công Minh V sinh ngày 22/6/2022, hiện đang ở với chị T cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Công L phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001007 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 3- Ninh Bình).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận: *- Các đương sự;* *- TAND tỉnh Ninh Bình;* *- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;* *- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;* *- UBND xã Nho Quan* *- Lưu hồ sơ vụ án.*	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** Nguyễn Thị Hương Quỳnh